| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 68/2020/DS-PT
Ngày: 06/03/2020
*V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thu Thiện.
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quốc Thái;
Bà Hoàng Thị Thu Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về : "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 373/2019/QĐ-PT ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội - giữa:

**1. Nguyên đơn**: Công ty T. Trụ sở chính: số 22 H.V, phường L.T.T, quận H.K, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông N.T.Đ- Chủ tịch Hội đồng thành viên. Đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông L.Q.C- Phó Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng V. Trụ sở chính: số 89 phường L.H, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông N.C.D - Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Ông P.T.A- Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh N.V.Đ - Trưởng bộ phận xử lý nợ khách hàng cá nhân; Anh D.T.H, anh T.L.S- Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

**2. Bị đơn**: Anh H.V.T, sinh năm 1980. Cư trú tại: thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đ.Đ.H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông H.T.T, sinh năm 1955 (bố anh T); Có mặt.

3.2. Bà N.T.M, sinh năm 1955 (mẹ anh T); Vắng mặt.

3.3. Anh H.M.T, sinh năm 1983 (con ông T, bà M); Vắng mặt.

3.4. Chị N.T.L, sinh năm 1989 (vợ anh T); Vắng mặt.

3.5. Cháu H.Y.N, sinh năm 2011 (con anh T, chị L);

3.6. Cháu H.K.C, sinh năm 2015 (con anh T, chị L);

3.7. Cháu Hoàng Trung Hải (con anh T, chị L).

*Đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu C, cháu Hải là:* Anh H.M.T, chị N.T.L.

Cùng cư trú tại: thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội.

3.8. Chị H.T.M, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm C, xã C.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Nguyên đơn Công ty TNHH quản lý tài sản của các tổ chúc tín dụng Việt Nam do người đại diện trình bày:**

Ngân hàng V ( gọi tắt là VBank) và anh H.V.T có ký kết các hợp đồng sau:

- Ngày 17/6/2010 ký Hợp đồng tín dụng số LD 1016600123 cho anh T vay 700.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,5% năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, biên độ 6,2% năm.

- Ngày 08/11/2010, ký Hợp đồng tín dụng số LD 1031000027 cho anh T vay 250.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,0% năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, biên độ 6,0% năm.

- Ngày 16/9/2011, ký Hợp đồng tín dụng số LD 1125600025 cho anh T vay 550.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 25,0% năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, biên độ 11,5% năm.

Mục đích anh T vay tiền là thanh toán tiền mua nhà đất và thanh toán tiền mua nguyên vật liệu để xây nhà ở.

VBank đã giải ngân cho anh T nhận đủ số tiền đã ký kết trong 03 Hợp đồng tín dụng (HĐTD) là 1.500.000.000đ theo các khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ số 01 ngày 17/6/2010: 700.000.000đ.

- Khế ước nhận nợ số 01 ngày 08/11/2010: 250.000.000đ.

- Khế ước nhận nợ số 01 ngày 16/9/2011: 550.000.000đ.

Để bảo đảm số tiền đã vay, ngày 14/6/2010 anh T và gia đình ông H.T.T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản tại Phòng Công chứng số X, thành phố Hà Nội; số công chứng 546010- Q02. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12 tại thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, Hà Nội đã được UBND huyện Đ.A cấp GCNQSD đất số M 201350 ngày 28/01/2000 hộ gia đình ông H.T.T. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ.A, Hà Nội.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh T đã không thực hiện đúng thỏa thuận về thanh toán trả nợ gốc và nợ lãi cho VBank.

Ngày…VBank đã làm thủ tục bán khoản nợ trên cho Công ty T.

Nay Công ty T có đơn khởi kiện yêu cầu anh T trả ngay toàn bộ nợ gốc là 1.158.900.488đ + lãi trong hạn + lãi quá hạn đến thời điểm xét xử và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các HĐTD, khế ước nhận nợ đến ngày bị đơn trả hết nợ. Công ty T tự nguyện xin rút yêu cầu về khoản tiền lãi phạt.

Trường hợp anh T không trả nợ theo yêu cầu thì Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12 tại thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, Hà Nội đã được UBND huyện Đ.A cấp GCNQSD đất số M 201350 ngày 28/01/2000 hộ gia đình ông H.T.T. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của anh T đối với VBank; nếu thừa thì trả lại cho gia đình ông T; nếu thiếu thì anh T tiếp tục phải trả nợ cho Công ty T.

**2. Bị đơn anh H.V.T và người đại diện theo ủy quyền có lời khai:** Anh T công nhận có vay tiền của VBank bằng 03 Hợp đồng tín dụng để vay tổng số tiền là 1.500.000.000đ như lời trình bày của Công ty T. Anh T đã nhận đủ số tiền vay gốc này qua 03 khế ước nhận nợ. Mục đích anh T vay tiền như Công ty T đã khai.

Còn về tài sản thế chấp bảo đảm các khoản vay: anh T và gia đình ông H.T.T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là nhà đất của gia đình ông T đã được UBND huyện Đ.A cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình ông T.

Lý do anh T không thực hiện đúng thỏa thuận với VBank v/v thanh toán vì làm ăn gặp khó khăn. Khoản tiền anh nợ VBank đã được VBank bán nợ cho Công ty T. Nay Công ty T kiện anh về HĐTD, anh xin được trả dần nợ gốc và xin miễn giảm tiền lãi.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

3.1. Ông H.T.T, bà N.T.M, anh H.M.T, chị H.T.M cùng có lời khai: Đúng là gia đình đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản của gia đình để bảo đảm cho anh T vay tiền Ngân hàng. Còn số tiền anh T vay bao nhiêu gia đình không rõ và các thành viên gia đình không ai sử dụng khoản tiền vay này. Gia đình còn biết anh T chỉ là người đứng ra vay tiền Ngân hàng hộ cho anh Đ.Đ.H. Gia đình nhất trí như nguyện vọng trả nợ dần của anh T và đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi cho anh T.

3.2. Chị N.T.L ( vợ anh T) trình bày: Chị kết hôn với anh T năm 2010. Cưới xong chị về chung sống với anh T ngay và ở chung cùng bố mẹ anh T. Chị không

biết việc anh T vay tiền Ngân hàng và cũng không biết gia đình chồng ký thế chấp tài sản bảo đảm. Chị nhất trí như nguyện vọng của anh T.

*Bản án sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, thành phố Hà Nội đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với anh H.V.T.

Buộc anh H.V.T phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty T số tiền tính đến ngày 29/7/2019 như sau:

- Hợp đồng LD 1016600123 ngày 17/6/2010: tiền gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), lãi trong hạn 463.624.112đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm mười hai đồng), lãi quá hạn 245.421.208 (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn, hai trăm linh tám đồng).

- Hợp đồng LD 1031000027 ngày 08/11/2010: tiền gốc 128.900.488đ (Một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng), lãi trong hạn 97.590.496đ (Chín mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng), lãi quá hạn 54.454.547đ (Năm mươi bốn triệu, bốn trăm lăm mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

- Hợp đồng LD 1125600025 ngày 16/9/2011: tiền gốc 550.000.000đ (Năm trăm lăm mươi triệu đồng), lãi trong hạn 792.691.853đ (Bảy trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng), lãi quá hạn 381.868.819đ (Ba trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm mười chín đồng).

Tổng cộng 3.194.551.505đ (Ba tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, năm trăm lăm mươi mốt nghìn, năm trăm linh lăm đồng): trong đó tiền gốc 1.158.900.488đ (Một tỷ, một trăm lăm mươi tám triệu, chín trăm nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng); lãi trong hạn 1.353.906.442đ (Một tỷ, ba trăm lăm mươi ba triệu, chín trăm linh sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng); lãi quá hạn 681.744.575đ (Sáu trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 30/7/2019 anh H.V.T tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mưc lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Ghi nhận việc Công ty T rút yêu cầu đối với tiền lãi phạt 1.464.106.076đ (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm linh sáu nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng).

3. Trường hợp anh H.V.T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Công ty T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12 tại thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, thành phố

Hà Nội được cấp GCNQSD đất số M201350, vào sổ cấp GCNQSD đất số 00308.QSDĐ/TC-XC ngày 28/01/2000 cho hộ gia đình ông H.T.T. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 546010 quyển số 02 ngày 14/6/2010 tại Phòng công chứng số 01 thành phố Hà Nội, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ.A ngày 14/6/2010.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của anh H.V.T đối với Công ty T, nếu thừa thì trả lại cho hộ gia đình ông H.T.T, nếu thiếu anh H.V.T phải tiếp tục trả nợ cho Công ty T

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ông H.T.T, anh H.M.T, chị H.T.M, chị N.T.L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh H.V.T do người đại diện giữ nguyên lời khai và quan điểm đã trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo: Ông T có mặt tại phiên tòa giữ nguyên nội dung đã kháng cáo. Anh T, chị Mai và chị L không có mặt tại phiên tòa.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Anh H.M.T, chị H.T.M, chị N.T.L có đơn kháng cáo nhưng không có mặt tại phiên tòa, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm. Ông T kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không chấp nhận kháng cáo của ông T.

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.A. Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng:

Anh H.M.T, chị H.T.M; chị N.T.L có đơn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai; theo quy định pháp luật thì HĐXX cấp phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các anh chị.

Ông H.T.T có đơn kháng cáo nộp trong hạn luật định, do ông T là người cao tuổi ( trên 60 tuổi) nên được miễn toàn bộ án phí; nên HĐXX cấp phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của ông theo quy định pháp luật

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của ông H.T.T cho thấy:

[1]. Về giao dịch giữa anh H.V.T với Ngân hàng V ( sau đây gọi tắt là VBank) được hai bên thống nhất đã cùng nhau ký kết các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Ngày 17/6/2010 ký Hợp đồng tín dụng số LD 1016600123 cho anh T vay 700.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,5% năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, biên độ 6,2% năm. Ngân hàng đã giải ngân và anh T đã ký khế ước nhận nợ khoản tiền vay này.

- Ngày 08/11/2010, ký Hợp đồng tín dụng số LD 1031000027 cho anh T vay 250.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,0% năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, biên độ 6,0% năm. Ngân hàng đã giải ngân và anh T đã ký khế ước nhận nợ khoản tiền vay này.

- Ngày 16/9/2011, ký Hợp đồng tín dụng số LD 1125600025 cho anh T vay 550.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 25,0% năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần, biên độ 11,5% năm. Ngân hàng đã giải ngân và anh T đã ký khế ước nhận nợ khoản tiền vay này.

Hai bên cùng công nhận, quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, anh T đã vi phạm thỏa thuận điều khoản thanh toán. Đến nay, tổng số tiền nợ gốc của 03 HĐTD, anh T mới thanh toán được một phần, còn nợ: tiền vay gốc của 03 Hợp đồng tín dụng là 1.158.900.488đ + tiền lãi trong hạn 1.353.906.442đ + tiền lãi quá hạn 681.744.575đ = 3.194.551.505đ (Ba tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, năm trăm lăm mươi mốt nghìn, năm trăm linh lăm đồng).

Tòa án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu của Công ty T và buộc anh T phải thanh toán trả cho Công ty T số tiền nợ gốc và nợ lãi của 03 HĐTD. Công ty T và anh T không kháng cáo về nội dung quyết định này; nên HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét mà giữ nguyên như Tòa án sơ thẩm đã tuyên.

[2]. Xét về giao dịch giữa VBank, anh T và gia đình ông H.T.T đã được các bên công nhận như sau: Ngày 14/6/2010 anh T và gia đình ông H.T.T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản tại Phòng Công chứng số 01 thành phố Hà Nội; số công chứng 546010- Q02 để thế chấp tài sản cho Ngân hàng V đảm bảo số tiền anh T đã vay trong 03 Hợp đồng tín dụng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12 tại thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A,

Hà Nội đã được UBND huyện Đ.A cấp GCNQSD đất số M 201350 ngày 28/01/2000 cho hộ gia đình ông H.T.T. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ.A.

Tòa án sơ thẩm đã xác định Hợp đồng thế chấp tài sản đã được các bên đã ký kết phù hợp với quy định củap luật. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm đã tuyên trong trường hợp anh T không trả được tiền cho VBank thì VBank có quyền làm thủ tục xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Gia đình ông H.T.T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Tòa án sơ thẩm đã xác định sai tư cách của người đại diện cho nguyên đơn có thẩm quyền và tư cách tham gia tố tụng. Tòa án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ về việc thay đổi lãi suất trong khoản vay giữa anh T và Ngân hàng V. Tòa án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ khác để giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Hà Nội.

HĐXX xem xét nội dung đơn kháng cáo trên thì thấy: Gia đình ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm bao gồm kháng cáo liên quan đến cả Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản. Xét thấy: Gia đình ông T chỉ liên quan đến 01 điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại Điều 3 "Biện pháp bảo đảm tiền vay"; và là 1 bên trong Hợp đồng thế chấp tài sản. Vì vậy, gia đình ông T không có quyền lợi liên quan đến khoản tiền vay và lãi suất các bên cho vay và bên vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Nên gia đình ông T không có quyền kháng cáo về khoản tiền anh T đã vay và lãi suất cho vay trong Hợp đồng tín dụng.

Xét về quyền và nghĩa vụ liên quan của gia đình ông T tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng và là bên thế chấp tài sản trong Hợp đồng thế chấp tài sản thì thấy:

+ Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản gồm có 07 trang; các trang của Hợp đồng đều có chữ ký giáp lai của gia đình ông T. Tại phiên tòa gia đình ông T công nhận việc này và hoàn toàn tự nguyện ký vào hợp đồng tín dụng với tư cách bảo đảm tài sản của bên thứ ba. Còn đối với Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất: Gia đình ông T với tư cách là "Bên thế chấp tài sản" ký kết với "bên nhận thế chấp là Ngân hàng V". Hợp đồng thế chấp tài sản được lập thành văn bản; có công chứng tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội. Tại phiên tòa, gia đình ông T đều có lời khai công nhận họ đã tự nguyện ký kết vào Hợp đồng thế chấp tài sản.

Cho thấy: cả 02 Hợp đồng trên đều được lập và hoàn thiện về thủ tục đúng quy định pháp luật. Sau khi các bên ký kết xong Hợp đồng thế chấp tài sản, đã cùng hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ.A; vì vậy Hợp đồng thế chấp tài sản đã có hiệu lực kể từ thời điểm các bên đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tòa án sơ thẩm đã tuyên " *Trường hợp anh H.V.T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Công ty T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12 tại thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, TP Hà Nội được cấp GCNQSD đất số M 201350, vào sổ cấp GCNQSD đất số 00308.QSDĐ/TC-XC ngày 28/01/2000 cho hộ gia đình ông H.T.T theo HĐTC QSD đất số công chứng 546010 quyển số 02 ngày 14/6/2010 tại Phòng công chứng số 01 TP Hà Nội, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ.A ngày 14/6/2010...*" là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông T.

[3]. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A. Ông T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 342, 351, 355, 422, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 52, 54 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với anh H.V.T.

Buộc anh H.V.T phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty T số tiền tính đến ngày 29/7/2019 như sau:

- Hợp đồng LD 1016600123 ngày 17/6/2010: tiền gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), lãi trong hạn 463.624.112đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm mười hai đồng), lãi quá hạn 245.421.208 (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn, hai trăm linh tám đồng).

- Hợp đồng LD 1031000027 ngày 08/11/2010: tiền gốc 128.900.488đ (Một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng), lãi trong hạn 97.590.496đ (Chín mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng), lãi quá hạn 54.454.547đ (Năm mươi bốn triệu, bốn trăm lăm mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

- Hợp đồng LD 1125600025 ngày 16/9/2011: tiền gốc 550.000.000đ (Năm trăm lăm mươi triệu đồng), lãi trong hạn 792.691.853đ (Bảy trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng), lãi quá hạn 381.868.819đ (Ba trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm mười chín đồng).

Tổng cộng 3.194.551.505đ (Ba tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, năm trăm lăm mươi mốt nghìn, năm trăm linh lăm đồng): trong đó tiền gốc 1.158.900.488đ (Một tỷ, một trăm lăm mươi tám triệu, chín trăm nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng); lãi trong hạn 1.353.906.442đ (Một tỷ, ba trăm lăm mươi ba triệu, chín trăm linh sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng); lãi quá hạn 681.744.575đ (Sáu trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 30/7/2019 anh H.V.T tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mưc lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Ghi nhận việc Công ty T rút yêu cầu đối với tiền lãi phạt 1.464.106.076đ (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm linh sáu nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng).

3. Trường hợp anh H.V.T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Công ty T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12 tại thôn V.T, xã X.C, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội được cấp GCNQSD đất số M201350, vào sổ cấp GCNQSD đất số 00308.QSDĐ/TC-XC ngày 28/01/2000 cho hộ gia đình ông H.T.T. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 546010 quyển số 02 ngày 14/6/2010 tại Phòng công chứng số 01 thành phố Hà Nội, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ.A ngày 14/6/2010.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của anh H.V.T đối với Công ty T, nếu thừa thì trả lại cho hộ gia đình ông H.T.T, nếu thiếu anh H.V.T phải tiếp tục trả nợ cho Công ty T

5. Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả Ngân hàng V 53.139.000 đồng tiền án phí dân sự đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0001782 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh H.M.T phải chịu 300.000đ án phí và được đối trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0008851 ngày 28/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

Chị H.T.M phải chịu 300.000 đồng án phí và được đối trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0008850 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

Chị N.T.L phải chịu 300.000đ án phí và được đối trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0008852 ngày 28/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân H. Đ.A.
- Chi cục THADS H. Đ.A.
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thu Thiện**